

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển ngạch và bổ nhiệm ngạch từ ngạch chuyên viên
sang ngạch thanh tra viên và từ ngạch chuyên viên chính
sang ngạch thanh tra viên chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Hội đồng xét chuyển ngạch vào các ngạch thanh tra đối với công chức tại Tờ trình số 04/TTr-HĐXCN ngày 05/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển ngạch và bổ nhiệm ngạch từ ngạch chuyên viên sang ngạch thanh tra viên đối với 12 công chức; từ ngạch chuyên viên chính sang ngạch thanh tra viên chính đối với 05 công chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 Quyết định này được hưởng chế độ ngạch, bậc lương thanh tra được bổ nhiệm kể từ ngày ký Quyết định chuyển ngạch và bổ nhiệm ngạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đâu Thanh Tùng

DANH SÁCH CHUYÊN NGẠCH VÀ BỔ NHIỆM NGẠCH THANH TRA VIÊN, THANH TRA VIÊN CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày sinh	Ngạch, bậc lương hiện hưởng				Chuyển ngạch, bậc lương mới				
				Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
I	THANH TRA VIÊN CHÍNH											
1	Trương Nho Tự	Phó chánh Thanh tra tỉnh	10/01/1974	01.002	4	5,42	01/09/2019	04.024	4	5,42	01/2022	01/09/2019
2	Nguyễn Thị Hồng	Chánh Thanh tra UBND huyện Đông Sơn	30/10/1968	01.002	3	5,08	01/09/2020	04.024	3	5,08	01/2022	01/09/2020
3	Lê Hồng Quang	Chánh Thanh tra Sở Y tế	12/01/1976	01.002	1	4,4	01/6/2021	04.024	1	4,4	01/2022	01/09/2019
4	Đặng Ngọc Thanh	Chánh Thanh tra UBND huyện Quảng Xương	12/04/1977	04.024 A	2	4,74	01/01/2021	04.024	2	4,74	01/2022	01/01/2021
5	Trịnh Quốc Chung	Phó chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	03/5/1974	01.002	1	4,4	01/06/2021	04.024	1	4,4	01/2022	01/06/2021
II	THANH TRA VIÊN											
1	Nguyễn Văn Vinh	Chánh Thanh tra UBND huyện Thọ Xuân	19/05/1972	01.003	8	4,65	01/03/2019	04.025	8	4,65	01/2022	01/03/2019
2	Nguyễn Hữu Huy	Chuyên viên thanh tra UBND Tp. Thanh Hóa	02/06/1985	01.003	4	3,33	01/07/2020	04.025	4	3,33	01/2022	01/07/2020
3	Trịnh Đình Mạnh	Phó chánh thanh tra UBND huyện Thường Xuân	01/09/1965	01.003	9	4,98 + 7% VK	01/12/2020	04.025	9	4,98 + 7% VK	01/2022	01/12/2020

4	Lê Ngọc Lam	Chánh Thanh tra UBND huyện Nông Cống	10/01/1961	01.003	6	3,99	01/10/2019	04.025	6	3,99	01/2022	01/10/2019
5	Vũ Thị Thủy	Phó chánh thanh tra thị xã Bim Sơn	23/5/1981	01.003	5	3,66	01/05/2020	04.025	5	3,66	01/2022	01/05/2020
6	Trần Thanh Bình	Chánh thanh tra UBND huyện Vĩnh Lộc	15/01/1974	01.003	8	4,65	01/12/2021	04.025	8	4,65	01/2022	01/12/2021
7	Vũ Mạnh Tuấn	Chuyên viên Thanh tra UBND huyện Vĩnh Lộc	05/09/1980	01.003	5	3,66	01/01/2020	04.025	5	3,66	01/2022	01/01/2020
8	Lê Công Trường	Chuyên viên Thanh tra tỉnh	23/01/1984	01.003	4	3,33	01/11/2020	04.025	4	3,33	01/2022	01/11/2020
9	Hoàng Xuân Thành	Chuyên viên Thanh tra tỉnh	26/11/1988	01.003	3	3,00	01/07/2020	04.025	3	3,00	01/2022	01/07/2020
10	Hoàng Lê Chương	Phó chánh Thanh tra UBND huyện Như Xuân	06/08/1984	01.003	3	3,00	15/08/2018	04.025	3	3,00	01/2022	15/08/2018
11	Trương Thùy Dương	Chuyên viên Thanh tra UBND huyện Như Xuân	27/7/1987	01.003	4	3,33	01/06/2019	04.025	4	3,33	01/2022	01/06/2019
12	Nguyễn Thị Anh	Chuyên viên Thanh tra Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	01/05/1980	01.003	6	3,99	01/07/2019	04.025	6	3,99	01/2022	01/07/2019